

Số: 10/2013/TT-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 10 tháng 06 năm 2013

THÔNG TƯ

Ban hành danh mục các công việc và nơi làm việc cấm sử dụng lao động là người chưa thành niên

Căn cứ Bộ luật lao động ngày 18 tháng 06 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn lao động,

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định danh mục các công việc và nơi làm việc cấm sử dụng lao động là người chưa thành niên.

Điều 1.

1. Ban hành kèm theo Thông tư này danh mục các công việc và nơi làm việc cấm sử dụng lao động là người chưa thành niên (sau đây gọi tắt là lao động chưa thành niên).

2. Thông tư này áp dụng đối với tất cả các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân có thuê mướn, sử dụng lao động theo hợp đồng lao động (sau đây gọi tắt là người sử dụng lao động).

Điều 2.

1. Người sử dụng lao động có trách nhiệm rà soát các công việc và nơi làm việc, lao động chưa thành niên đang làm; không được bố trí lao động chưa thành niên làm các công việc hoặc nơi làm việc theo danh mục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Sở Y tế, Liên đoàn Lao động địa phương thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Thông tư này;

b) Tăng cường thanh tra phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm quy định của pháp luật về sử dụng lao động chưa thành niên;

c) Hằng năm, tổng hợp, báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về tình hình thực hiện Thông tư này cùng với báo cáo công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động trên địa bàn.

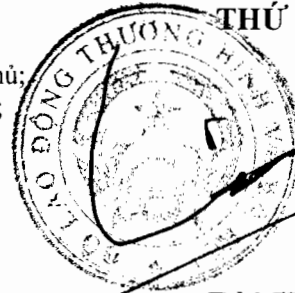
Điều 3.

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 08 năm 2013.
2. Bãi bỏ Thông tư Liên bộ số 09/TT-LB ngày 13 tháng 04 năm 1995 của Liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Y tế về quy định các điều kiện lao động có hại và các công việc cấm sử dụng lao động chưa thành niên.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để xem xét, giải quyết./. *Thủy*

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Sở LĐTBXH các tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công Thông tin điện tử Chính phủ;
- Website Bộ LĐTBXH;
- Các đơn vị có liên quan thuộc Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, Cục ATLĐ (30 bản).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Bùi Hồng Lĩnh

DANH MỤC

Công việc và nơi làm việc cấm sử dụng lao động là người chưa thành niên
(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2013/TT-BLĐTBXH
ngày 10 tháng 06 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

I. Danh mục nơi làm việc

Ngoài nơi làm việc được quy định tại điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 165 Bộ luật lao động năm 2012, cấm sử dụng lao động chưa thành niên tại các nơi làm việc, chỗ làm việc theo quy định tại khoản 1 Điều 163 và điểm đ khoản 2 Điều 165 như sau:

1. Tiếp xúc với các yếu tố vệ sinh môi trường lao động không đạt quy chuẩn, tiêu chuẩn vệ sinh cho phép theo quy định của pháp luật hiện hành: điện từ trường, rung, ồn, nhiệt độ, bụi silic, bụi không chứa silic, bụi bông, bụi amiăng;
2. Tiếp xúc với các loại chất, tia phóng xạ; bức xạ bởi tia X và các tia có hại khác không đạt quy chuẩn, tiêu chuẩn vệ sinh cho phép theo qui định của pháp luật hiện hành;
3. Tiếp xúc với các yếu tố gây bệnh truyền nhiễm;
4. Thời gian làm việc trên 04 giờ/ngày trong không gian làm việc gò bó, chật hẹp, công việc có khi phải quỳ gối, nằm, cúi khom;
5. Trên giá cao hay dây treo cao hơn 3 m so với mặt sàn làm việc; địa hình đồi núi dốc trên 30⁰.

II. Danh mục công việc

Ngoài nơi làm việc được quy định tại khoản 4 Điều 163 và điểm a, b, c, d, đ, e khoản 1 Điều 165 Bộ luật lao động năm 2012, cấm sử dụng lao động chưa thành niên làm các công việc theo quy định tại khoản 1 Điều 163 và điểm g khoản 2 Điều 165 như sau:

STT	Tên công việc	Đặc điểm về điều kiện lao động của công việc
1	Trực tiếp nấu rót và vận chuyển kim loại lỏng, tháo dỡ khuôn đúc làm sạch sản phẩm đúc ở các lò: - Lò điện hồ quang (không phân	Công việc nặng nhọc, trực tiếp chịu tác động của nhiệt độ cao, mức ồn, rung vượt tiêu chuẩn cho phép.

	biệt dung tích). - Lò bằng luyện thép. - Lò chuyển luyện thép. - Lò cao. - Lò quay bilo luyện gang.	
2	Cán kim loại nóng.	Công việc nặng nhọc, trực tiếp chịu tác động của nhiệt độ cao, mức ồn, rung vượt quá tiêu chuẩn cho phép.
3	Trực tiếp luyện quặng kim loại màu (đồng, chì thiếc, thủy ngân, kẽm, bạc).	Thường xuyên chịu tác động của ồn, bụi và hơi, khí độc vượt tiêu chuẩn cho phép.
4	Đốt và ra lò luyện cốc.	Ảnh hưởng của nóng, bụi, ồn và CO, CO ₂ vượt tiêu chuẩn cho phép.
5	Đốt lò đầu máy hơi nước.	Ảnh hưởng của nóng, bụi, ồn, hơi khí độc vượt tiêu chuẩn cho phép.
6	Vận hành nồi hơi.	Công việc rất nguy hiểm, thường xuyên tiếp xúc với nhiệt độ cao.
7	Vận hành hệ thống điều chế và nạp axetylen, oxy, hydro, clo và các khí hoá lỏng.	Công việc rất nguy hiểm, tiếp xúc với khí độc vượt tiêu chuẩn cho phép.
8	Vận hành hệ thống lạnh (làm nước đá, đông lạnh).	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, làm việc trong môi trường lạnh.
9	Vận hành máy gia công kim loại bằng các máy rèn, dập, ép, cắt sử dụng hơi nước, khí nén hoặc bằng điện.	Công việc nặng nhọc, rất nóng ảnh hưởng của bức xạ nhiệt, nồng độ CO, CO ₂ , SO ₂ và ồn vượt tiêu chuẩn cho phép.
10	Lắp đặt, sửa chữa, lau chùi khuôn máy rèn, dập, ép, cắt kim loại (không phân biệt máy hơi nước, khí nén, điện hoặc cơ).	Công việc nặng nhọc, thường xuyên tiếp xúc với ồn vượt tiêu chuẩn cho phép.
11	Hàn trong thùng kín, hàn ở vị trí có độ cao trên 5m so với mặt sàn công tác.	Công việc nặng nhọc, cheo leo, nguy hiểm, tư thế lao động khó khăn.
12	Thu gom bã thải sản xuất cùn công nghiệp.	Công việc nặng nhọc, ồn, bụi, khí độc vượt tiêu chuẩn cho phép.
13	Cán, kéo, dập sản phẩm chì, mạ chì.	Tư thế lao động gò bó, chịu tác động của nóng và hơi chì.
14	Đúc đồng, cô đúc nhôm.	Công việc nặng nhọc, trực tiếp chịu tác động của nhiệt độ cao, mức ồn, rung vượt tiêu chuẩn cho phép.
15	Vận hành máy hồ vải sợi.	Đứng và đi lại trên 7 km/8h làm việc; chịu tác động của bụi bông và tiếng

		ồn vượt tiêu chuẩn cho phép.
16	Nhuộm, hấp vải sợi.	Công việc tiếp xúc với hoá chất độc, môi trường làm việc độ ẩm, nóng.
17	Thủ kho, phụ kho kho hóa chất, thuốc nhuộm.	Công việc tiếp xúc với hoá chất độc, môi trường làm việc độ ẩm, nóng.
18	Đào lò trong khai khoáng.	Công việc nặng nhọc, nơi làm việc chật hẹp, ẩm ướt, thiếu dưỡng khí.
19	Các công việc trong hầm lò hoặc ở hố sâu hơn 5m.	Công việc nặng nhọc, nơi làm việc chật hẹp, ẩm ướt, thiếu dưỡng khí.
20	Khai thác đá, đập đá thủ công, cạy bẫy đá trên núi.	Công việc thủ công, nặng nhọc, nguy hiểm.
21	Trực tiếp đưa vật liệu vào máy nghiền đá và làm việc với máy nghiền đá.	Công việc nặng nhọc, ảnh hưởng của bụi và ồn vượt tiêu chuẩn cho phép.
22	Tuyên quặng chì.	Chịu tác động bụi chì và ồn vượt tiêu chuẩn cho phép.
23	Sử dụng các loại máy cầm tay chạy bằng hơi ép có sức ép từ 4 atm trở lên (như máy khoan, máy búa và các máy tương tự gây những chấn động không bình thường cho thân thể người).	Chịu tác động của ồn, rung và bụi vượt tiêu chuẩn cho phép.
24	Đãi, tuyển vàng, quặng, đá đỏ.	Công việc thủ công, rất nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của bụi, ồn vượt tiêu chuẩn cho phép.
25	Trực tiếp đào gốc cây có đường kính lớn hơn 40cm bằng phương pháp thủ công.	Công việc rất nặng nhọc, tư thế lao động gò bó.
26	Cửa xe gỗ thủ công 2 người kéo bằng phương pháp thủ công (chỉ cấm đối với nữ chưa thành niên).	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm.
27	Đốn hạ những cây có đường kính từ 35cm trở lên, cửa cắt cành, tía cành trên cao bằng phương pháp thủ công.	Công việc nặng nhọc, nơi làm việc cheo leo, nguy hiểm.
28	Vận xuất gỗ lớn, xe bản, bốc xếp gỗ có đường kính từ 35cm trở lên bằng thủ công, bằng máng gỗ, bằng cầu trượt gỗ.	Làm việc ngoài trời ở các địa hình đồi, núi dốc (từ 10 ⁰ - 15 ⁰), công việc nặng nhọc, nguy hiểm.
29	Mò vớt gỗ chìm, cánh kéo gỗ trong âu, triền đưa gỗ lên bờ.	Làm việc ngoài trời trên sông, suối, công việc thủ công, nặng nhọc, rất

		nguy hiểm.
30	Xuôi bè mảng trên sông có nhiều ghềnh thác.	Làm việc ngoài trời trên sông, suối, công việc thủ công, nặng nhọc, rất nguy hiểm.
31	Lái máy kéo nông nghiệp.	Tư thế làm việc gò bó, chịu tác động của ồn, rung và bụi vượt tiêu chuẩn cho phép.
32	Các công việc khai thác tổ yến tự nhiên; khai thác phân dơi.	Thường xuyên làm việc ngoài đảo xa, công việc nặng nhọc, rất nguy hiểm.
33	Xe gỗ bằng máy cưa đĩa và máy cưa vòng.	Công việc nặng nhọc, nơi làm việc chật hẹp, ẩm ướt, chịu tác động của tiếng ồn vượt tiêu chuẩn cho phép.
34	Vận hành các máy bào trong nghề gỗ.	Công việc nặng nhọc, nơi làm việc chật hẹp, ẩm ướt, chịu tác động của tiếng ồn vượt tiêu chuẩn cho phép.
35	Trực tiếp nuôi thú dữ hoặc động vật có nọc độc.	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm.
36	Sơ chế tre, nứa, mây, cói.	Công việc nặng nhọc, chịu ảnh hưởng hơi khí độc vượt tiêu chuẩn cho phép.
37	Đốt lò nung gạch chịu lửa, lò vôi, tôi vôi bằng phương pháp thủ công.	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu ảnh hưởng của nhiệt độ cao.
38	Chế biến chượp, mắm tôm, mắm kem, nước mắm, thủy, hải sản khô.	Công việc nặng nhọc, chịu ảnh hưởng của nhiệt độ cao.
39	Chế biến cà phê nhân xuất khẩu.	Công việc nặng nhọc, chịu ảnh hưởng nhiệt độ cao.
40	Công việc phải làm một mình trên đường sắt, trong hầm núi, trong các công trình ngầm, hoặc ở nơi tầm nhìn của người công nhân không vượt quá 400m, hoặc nơi giao thông rất khó khăn.	Làm việc ngoài trời, công việc thủ công nặng nhọc, bụi vượt tiêu chuẩn cho phép.
41	Công việc di chuyển, nối hoặc tách toa xe trong xưởng máy, trên đường sắt.	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, nguy hiểm.
42	Điều khiển các phương tiện giao thông vận tải có động cơ có dung tích xi lanh từ 50 cm ³ trở lên.	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, ảnh hưởng của bụi, rung và ồn vượt tiêu chuẩn cho phép.
43	Điều khiển cầu trục, cần trục, công trục, palăng điện (Trừ palăng xích kéo tay không thuộc diện phải	Làm việc trên cao, ảnh hưởng của rung, ồn vượt tiêu chuẩn cho phép.

	kiểm định kỹ thuật an toàn lao động).	
44	Móc buộc tải trọng cho cầu trục, cần trục, công trục, palăng điện.	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm.
45	Lái máy thi công (như máy xúc, máy gạt ủi, máy san, gạt, khoan, đóng cọc, xe bánh xích).	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của bụi, ồn và rung vượt tiêu chuẩn cho phép.
46	Vận hành tàu hút bùn.	Làm việc trong môi trường ô nhiễm nặng, chịu tác động của tiếng ồn vượt tiêu chuẩn cho phép.
47	Khảo sát đường sông.	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, thường xuyên lưu động, chịu tác động của bụi vượt tiêu chuẩn cho phép.
48	Đò bê tông dưới nước.	Làm việc trên sông nước, công việc rất nặng nhọc, tiếp xúc với ồn vượt tiêu chuẩn cho phép.
49	Thợ lặn.	Công việc rất nặng nhọc, nguy hiểm, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của áp suất cao.
50	Các công việc trên tàu đi biển.	Thường xuyên làm việc trên biển, chịu áp lực của sóng biển, tiếng ồn cao và rung vượt tiêu chuẩn cho phép.
51	Làm việc trên máy bay.	Công việc nguy hiểm, căng thẳng thần kinh tâm lý, chịu ảnh hưởng tiếng ồn cao, rung vượt tiêu chuẩn cho phép và thường xuyên chịu tác động do thay đổi nhiệt độ, áp suất.
52	Kỹ thuật viên giao thông đường hàng không và điện tử an toàn hàng không.	Công việc căng thẳng thần kinh tâm lý.
53	Công việc gác tàu, trông tàu trong âu, triển đá.	Công việc nguy hiểm, căng thẳng thần kinh, tâm lý.
54	Lắp đặt giàn khoan.	Làm việc ngoài trời, công việc rất nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của ồn, rung hoá chất độc vượt tiêu chuẩn cho phép và thường xuyên chịu tác động của sóng, gió.
55	Làm việc ở giàn khoan trên biển.	Làm việc ngoài trời, công việc rất nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của ồn, rung hoá chất độc vượt tiêu

		chuẩn cho phép và thường xuyên chịu tác động của sóng, gió.
56	Khoan thăm dò giếng dầu và khí.	Luôn phải lưu động tại vùng rừng núi, hải đảo thiếu nước ngọt, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, ảnh hưởng trực tiếp ồn rung vượt tiêu chuẩn cho phép, tư thế lao động gò bó, nơi làm việc bẩn thỉu.
57	Khoan thăm dò, khoan nổ mìn, bắn mìn.	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, chịu tác động của ồn, bụi và khí NO ₂ vượt tiêu chuẩn cho phép.
58	Làm việc ở lò lên men thuốc lá, lò sấy điều thuốc lá.	Chịu tác động của bụi, ồn, nicotin vượt tiêu chuẩn cho phép.
59	Cán ép tấm da lớn, cứng.	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, thường xuyên tiếp xúc với nóng.
60	Tráng paraffin trong bể rượu.	Làm việc trong hầm kín, nóng, thiếu oxy, nồng độ hơi còn cao. Tư thế lao động rất gò bó, công việc thủ công.
61	Lưu hoá, hình thành, bốc dỡ sản phẩm cao su cỡ lớn như: thùng, két nhiên liệu, lốp ô tô.	Thường xuyên tiếp xúc với nóng ồn bụi và hóa chất độc vượt tiêu chuẩn cho phép.
62	Công việc tiếp xúc với xăng, dầu trong hang, hầm: giao nhận, bảo quản, vận hành máy bơm và đo xăng, dầu.	Làm việc trong hầm tối, thường xuyên tiếp xúc với hoá chất độc vượt tiêu chuẩn cho phép; có thể nguy hiểm khi lấy mẫu tại hiện trường.
63	Đốt lò sinh khí nấu thủy tinh, thổi thủy tinh bằng miệng.	Chịu tác động của nóng và bụi vượt tiêu chuẩn cho phép.
64	Châm lửa cho máy đốt dầu tiêu thụ từ 400 l/giờ.	Công việc nặng nhọc, nóng và tiếp xúc với dầu.
65	Các công việc đóng vỏ tàu (tàu gỗ, tàu sắt) phải mang vác, gá đặt vật gia công nặng từ 20 kg trở lên.	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm.
66	Chế tạo, sử dụng, vận chuyển các sản phẩm nguy hiểm: chất nổ, chất dễ cháy, chất ô xy hoá, khí đốt, thuốc súng, đạn dược, pháo có nguy cơ gây nổ, cháy.	Công việc rất nguy hiểm, có nguy cơ cháy nổ, căng thẳng thần kinh.
67	Vận hành lò đốt rác và xử lý nước thải.	Công việc nặng nhọc, thường xuyên làm việc trong môi trường ô nhiễm nặng vượt tiêu chuẩn cho phép.

68	Nấu, tẩy rửa bột giấy bằng clo.	Công việc tiếp xúc với Clo, nhiệt độ cao.
69	Lắp đặt sửa chữa đường dây điện trong cống ngầm hoặc trên cột ngoài trời, đường dây điện cao thế, lắp dựng cột điện cao thế.	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, chịu tác động của điện từ trường, ồn và bụi vượt tiêu chuẩn cho phép và nguy hiểm.
70	Lắp đặt, sửa chữa cáp ngầm, cáp treo của đường dây điện thông tin.	Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, chịu tác động của điện từ trường, ồn và bụi vượt tiêu chuẩn cho phép.
71	Vận hành, trực các trạm điện hạ áp, trung áp và cao áp.	Công việc phức tạp, đi lại nhiều (trên 7km/8h làm việc), ảnh hưởng của ồn, nồng độ bụi rất cao vượt tiêu chuẩn cho phép.
72	Kiểm tra, sửa chữa và xử lý các mạch điện có điện thế 700 V trong trường hợp dòng điện một chiều; > 220V trong trường hợp dòng điện xoay chiều và các vật duy trì mạch điện ấy.	Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, tư thế lao động gò bó.
73	Công việc ở đài phát thanh, phát sóng tần số radiô như đài phát thanh, phát hình và trạm radar, trạm vệ tinh viễn thông... bị ảnh hưởng bởi điện từ trường vượt quá tiêu chuẩn cho phép.	Công việc phức tạp, đi lại nhiều, ảnh hưởng của điện từ trường, ồn, nồng độ bụi rất cao vượt tiêu chuẩn cho phép.
74	Sửa chữa lò, thùng, tháp kín, đường ống trong sản xuất hoá chất.	Nơi làm việc chật hẹp, công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của nhiệt độ cao và hóa chất độc mạnh.
75	Các công việc tiếp xúc dung môi hữu cơ như: ngâm tẩm tà vẹt, trải nhũ tương giấy ảnh, in hoa trên màng mỏng, in nhãn trên giấy láng mỏng, cán ép nhựa phenon, vận hành nôi đa tụ keo phenon.	Điều kiện làm việc nặng nhọc, chịu ảnh hưởng của nóng, hóa chất độc mạnh, nguy hiểm.
76	Trực tiếp tiếp xúc với hoá chất gây biến đổi gen: - 5 Flioro- uracil; - Benzen.	Điều kiện làm việc tiếp xúc với hoá chất gây biến đổi gen.
77	Trực tiếp tiếp xúc với các hoá chất gây tác hại sinh sản lâu dài (như: gây thiếu năng tinh hoàn, thiếu	Điều kiện làm việc tiếp xúc với hoá chất gây tác hại sinh sản.

	<p>năng buồng trứng):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Estrogen; - Axít cis-retinoic; - Cacbaryl; - Dibromuaclo propan(DBCP); -Toluendiamin và dinitrotoluen; - Polyclorin biphenyl (PCBs); -Polybromua biphenyl (PBBs). 	
78	<p>Trực tiếp tiếp xúc (bao gồm: Sản xuất, đóng gói, pha chế, phun thuốc, khử trùng kho) với các hoá chất trừ sâu, trừ cỏ, diệt mối mọt, diệt chuột, trừ muỗi có chứa Clo hữu cơ và một số hoá chất có khả năng gây ung thư sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1,4 butanediol, dimetansunfonat; - 4 aminnobiphenyl; - Amiăng loại amosit, amiăng loại crysotil, amiăng loại crosidolit; - Asen (hay thạch tín), canxi asenat; - Dioxin; - Diclorometyl-ete; - Các loại muối cromat không tan; - Nhựa than đá, phần bay hơi nhựa than đá; - Xyclophotphamit; - Diethylstilboestol; - 2, Naphtylamin; - N, N – di (Cloroetyl). 2. Naphtylamin; - Thori dioxyt; - Theosufan; - Vinyl clorua, vinyl clorid; - 4- amino, 10- metyl folic axít; - Thuỷ ngân, hợp chất metyl thủy ngân, metyl thủy ngân clorua; - Nitơ pentoxyt; - 2,3,7,8 tetracloro dibenzen furan; - 2- alphaphenyl-beta axetyletyl; - Axety salixylic axít; - Asparagin; - Benomyl; - Boric axít; 	<p>Chịu tác động của ồn, rung và hoá chất vượt tiêu chuẩn cho phép.</p>

	<ul style="list-style-type: none"> - Cafein; - Dimetyl sunfoxid; - Direct blue-1; - Focmamid; -Hydrocortison, Hydrocortission axetat; - Iod (kim loại); - Chì, chì axetat, chì nitrat (tiếp xúc với xăng sơn, mực in có chứa chì, sản xuất ốc quy, hàn chì); - Mercapto, purin; - Kali bromua, kali iodua; - Propyl- thio- uracil ; - Ribavirin ; - Natri asenat, natri asenit, natri iodua, natri salixylat ; -Tetrametyl thiuram disunfua; -Trameinnolon axetonid ; - Triton WR-1339 ; - Trypan blue; - Valproic axít; - Vincristin sunfat; - Khí dụng Vinazol. 	
79	<p>Tiếp xúc thường xuyên với các hoá chất sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Oxyt cacbon (CO): như vận hành lò tạo khí than, thải xỉ; - Các loại thuốc nhuộm có gốc anilin, xylizin, toluzin, auramin; - Các hợp chất có gốc xianua (-CN-); - Phốt pho và các hợp chất P_2O_5, P_2S_5, PCl_3, H_3P; - Trinitro toluen (TNT); -Mangan dioxyt (MnO_2); - Photgein ($COCl_2$); -Disunfua cacbon(CS_2); - Oxit nitơ và axít nitric; - Anhydrit sunfuaric và axít sunfuaric; - Đất đèn (CaC_2) như vận hành lò đất đèn dạng hờ, thải xỉ 	Trực tiếp làm việc tiếp xúc với hoá chất độc.
80	Trực tiếp tiếp xúc với các hoá chất gây nghiện và các chế phẩm của	Chịu tác động của ồn, rung và hoá chất vượt tiêu chuẩn cho phép.

	nó như bào chế dược phẩm có thành phần moocfin, efedrin, sedusen.	
81	Làm việc trong thùng chìm.	Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, thiếu dưỡng khí.
82	Nạo vét cống ngầm, công việc phải ngâm mình thường xuyên dưới nước bẩn hôi thối.	Công việc thủ công, rất nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, thường xuyên tiếp xúc với các chất phế thải và hóa chất độc hại vượt tiêu chuẩn cho phép.
83	Sản xuất photpho vàng.	Điều kiện làm việc tiếp xúc với hoá chất gây biến đổi gen.
84	Công việc thiêu huỷ hoặc sát sinh.	Công việc rất nặng nhọc, độc hại, căng thẳng thần kinh tâm lý.
85	Mổ tử thi, liệm mai táng người chết, bốc mộ mả.	Công việc rất nặng nhọc, độc hại, căng thẳng thần kinh tâm lý.
86	Công việc trong nhà tù hoặc trong bệnh viện tâm thần.	Làm việc trong môi trường có nguy cơ lây nhiễm cao, căng thẳng thần kinh tâm lý.
87	Nhặt hoặc phân loại rác thải, chất thải, các chất thải hoặc phế liệu.	Làm việc trong môi trường độc hại, tiếp xúc với nhiều vi sinh vật có hại.
88	Công việc tiếp xúc với hơi thuốc gây mê hàng ngày, làm việc ở khoa hồi sức cấp cứu, khoa chống nhiễm khuẩn, kiểm soát nhiễm khuẩn ở khoa lây của các cơ sở y tế, các trung tâm truyền máu, các cơ sở sản xuất vắc xin phòng bệnh, tham gia dập tắt các ổ dịch, làm việc ở khu điều trị bằng sóng ngắn, siêu âm.	Làm việc trong môi trường có nguy cơ lây nhiễm cao, căng thẳng thần kinh tâm lý.
89	Công việc trên giàn giáo hoặc trên rầm xà cao hơn 3 m so với sàn thao tác và các công việc tương tự.	Làm việc ngoài trời, nặng nhọc, nguy hiểm.
90	Lắp dựng, tháo dỡ hoặc thay đổi giàn giáo (trừ trường hợp phụ việc làm trên mặt đất hoặc trên sàn nhà)	Làm việc ngoài trời, nặng nhọc, nguy hiểm.

91	Công việc phải mang, vác, nâng các vật nặng vượt quá thể trạng lao động chưa thành niên./.	Phân loại	Công việc thường xuyên (kg)		Công việc không thường xuyên (kg)	
			Nam	Nữ	Nam	Nữ
		Từ 15 tuổi (180 tháng) đến dưới 16 tuổi (192 tháng)	≥ 15	≥ 12	≥ 10	≥ 8
		Từ 16 tuổi (192 tháng) đến dưới 18 tuổi (216 tháng)	≥ 30	≥ 25	≥ 20	≥ 15

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Bùi Hồng Lĩnh